

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 803/2019/HSPT

Ngày: 29 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 365/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với vụ án Phạm Xuân M và bị cáo Phan Thanh H do có kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phần dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Các bị án (người đang chấp hành bản án):

1. Phạm Xuân M, sinh năm 1986, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Long Hòa. (có mặt).

2. Phan Thanh H (tên gọi khác: Sáu H), sinh năm 1953, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo đang chấp hành bản án tại địa phương nơi cư trú (có mặt).

- Dương sự kháng cáo bản án:

Bị hại: Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 (Viettinbank)

Địa chỉ: 108 T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đỗ Hồng T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 704/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 17/7/2019)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Bà Trần Thị H2, sinh năm 1960 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Phạm Ánh N, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Ông Phạm Minh N1, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/ Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

6/ Ông Trần Trung B, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/ Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X4, Phường X1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

8/ Ông Dương Vĩnh L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm X6, Phường X7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

9/ Ông Trần Văn N2, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

10/ Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1 huyện M, tỉnh Bến Tre

11/ Ông Lý Phước L1, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X7, Phường X8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014 đến tháng 10 năm 2016, do làm ăn thua lỗ bị cáo Phạm Xuân M đã nợ các chủ nợ một khoản tiền hơn 1,5 tỷ đồng nhưng không có tài sản nào để trả. Bị cáo nghĩ cách lén lấy 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha bị cáo là ông Phạm Văn T1 (04 giấy cấp cho hộ gia đình do ông Phạm Văn T1 đứng tên chủ hộ, 01 giấy đứng tên ông Phạm Văn T1) với tổng diện tích 14.270m² để thế chấp vay tiền tại ngân hàng.

Do đã từng đi vay vốn của các ngân hàng khác trước đó nên bị cáo M nắm được các thủ tục cho vay của ngân hàng, qua tìm hiểu bị cáo thấy Ngân hàng

Thương mại cổ phần (TMCP) Công thương Việt Nam chi nhánh Trà Vinh cho vay với lãi suất ưu đãi. Bị cáo lấy sổ hộ khẩu gia đình, mượn giấy chứng minh nhân dân của em ruột là Phạm Anh N, lén lấy chứng minh của ông Phạm Văn T1 (cha ruột), bà Trần Thị H2 (mẹ ruột), Nguyễn Minh T3 (chồng), Phạm Minh N1 (em ruột) và nói dối với thành viên trong gia đình là ông Phạm Văn T1 đã đồng ý cho bị cáo lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay ngân hàng nên các thành viên trong gia đình đã đồng ý.

Sau đó, bị cáo lấy 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đến Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh Trà Vinh (Phòng giao dịch C) gặp và đưa các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Thu V là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch C để hỏi vay tiền. Sau khi tiếp nhận, bà V báo cáo với ông Dương Vĩnh L là Phó phòng giao dịch. Sau đó, ông L và bà V đã đến nhà bị cáo M để thẩm định. Tuy nhiên, quá trình thẩm định ông L và bà V chỉ gặp bị cáo M mà không gặp ông Phạm Văn T1. Sau khi thẩm định, bà V thông báo cho bị cáo biết định mức Ngân hàng cho vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) thì bị cáo đồng ý vay. Sau khi hoàn thành bộ hồ sơ vay vốn, bà V liên hệ bị cáo kêu các thành viên trong gia đình đến Ngân hàng để ký hồ sơ, do bị cáo sợ những thành viên trong gia đình biết việc làm của bị cáo sẽ không đồng ý ký tên nên đã nói dối với bà H2, chị N, anh N1 và anh Nguyễn Minh T3 rằng cha ruột đã đồng ý cho bị cáo lấy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền Ngân hàng, vì vậy những người này đều tin tưởng nên đến Ngân hàng ký hồ sơ vay cho bị cáo. Sau đó, bị cáo liên hệ với bà V hỏi về thủ tục vay thì được bà V cho biết phải có mặt ông Phạm Văn T1 ký vào hồ sơ thì mới làm thủ tục vay tiền.

Để đạt được mục đích, bị cáo M đã nghĩ ra cách nhờ người đóng giả ông T1 nên bị cáo kêu mẹ là bà H2 nhờ bị cáo Phan Thanh H đến nhà bị cáo M giúp làm heo bị chết nhưng thực chất là kêu đến để bị cáo đặt vấn đề thuê bị cáo H đóng giả ông T1. Việc này bị cáo không nói cho bà H2 biết. Sau khi bị cáo H đến nhà, bị cáo M đã trực tiếp nói rõ với bị cáo H việc thuê đến Ngân hàng đóng giả ông T1 ký vào hồ sơ vay vốn thì bị cáo M sẽ cho bị cáo H số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Do hoàn cảnh gia đình nghèo, cần tiền để tiêu xài nên bị cáo H đồng ý giúp và nhận 2.000.000đ (hai triệu đồng) từ bị cáo M. Trong quá trình ký hồ sơ vay, để tránh bị phát hiện bị cáo kêu bà H2, N và chồng là anh Nguyễn Minh T3 lên ngân hàng ký tên trước. Tiếp theo bị cáo kêu anh Trần Trung B, sinh năm 1989, ngụ ấp T, xã P, huyện C chở bị cáo H đến ngân hàng để ký tên và bị cáo trực tiếp chở em N1 lên ký tên sau cùng.

Khi ký hồ sơ thì có bà V và chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp T, xã T1 huyện M, tỉnh Bến Tre là nhân viên Văn phòng công chứng C giám sát nhưng không phát hiện ra bị cáo H là người đóng giả ông T1 do giấy chứng minh nhân dân của ông T1 bị mờ. Sau đó, hồ sơ được chuyển đến cho bà Lê Thị N4 là Công chứng viên – Trưởng Văn phòng công chứng C để ký công chứng nhưng do còn thiếu một số chữ ký của bà H2, chị N và anh N1 nên bà Ngọt không đồng ý ký. Lúc này, anh Lý Văn T5 là chủ đầu tư của Văn phòng công

chứng C phân công anh Lý Phước L1 là nhân viên liên hệ với anh Trần Văn N2, sinh năm 1966, ngụ xóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh là Công chứng viên – Trưởng Văn phòng công chứng C cũng do anh T5 làm chủ đầu tư để xem xét. Anh L1 nói rõ về tình trạng hồ sơ còn thiếu chữ ký và đề xuất đi đến nhà các thành viên gia đình bị cáo M để thu mẫu chữ ký cho đầy đủ thì anh N2 đồng ý. Sau khi cho bà H2, chị N, anh N1 ký bổ sung thì Lộc mang hồ sơ đến cho anh N2 ký công chứng rồi chuyển qua Ngân hàng. Sau khi xem xét hồ sơ nhận thấy đầy đủ thủ tục nên bà V trình lãnh đạo ký hợp đồng tín dụng số 206 ngày 11/10/2016 và hợp đồng thế chấp số 143 ngày 11/10/2016. Sau đó, ngân hàng đã giải ngân cho bị cáo M 03 lần với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), số tiền này bị cáo M sử dụng vào mục đích đóng lãi, tiêu xài cá nhân và trả nợ cho các chủ nợ đã thiếu trước đó (BL số 238-279).

Sau khi vay, bị cáo M đóng lãi được 04 tháng thì không đủ khả năng đóng nữa, do đó nhân viên Ngân hàng đã đến nhà gặp ông Phạm Văn T1 để thu tiền. Tuy nhiên, ông T1 hoàn toàn không biết các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị Mai đem thế chấp để vay tiền. Ông Phạm Văn T1 và các thành viên trong gia đình không đồng ý thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng và yêu cầu ngân hàng trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan do đã bị bị cáo M lừa dối. Sau khi sự việc bị phát hiện đến ngày 20/9/2017 Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh Trà Vinh đã làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo Phạm Xuân M đến Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra mở rộng xác định giữa bị cáo H và bị cáo Phạm Xuân M có quan hệ quen biết là hàng xóm và thường xuyên qua lại với nhau. Khi được bị cáo M đặt vấn đề đóng giả ông T1 để ký vào hồ sơ vay vốn của Mai, bị cáo H biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì bị cáo muốn có tiền để chi tiêu gia đình nên nhận lời giúp cho Mai. Việc làm của bị cáo là đồng phạm với bị cáo M với vai trò giúp sức. Tại Cơ quan điều tra cả hai bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên (BL số 228-229, 232-237).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân M và Phan Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân M 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 10/9/2018.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Phan Thanh H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ vào Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hủy Hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C với hộ ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị H2. Buộc Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch C có trách nhiệm giao trả lại cho hộ ông Phạm Văn T1 năm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 230B, 238, 351, 352, 363, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Phạm Văn T1 và hộ gia đình ông Phạm Văn T1.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Xuân M bồi thường Ngân hàng TMCP C1 số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời gian thử thách và giải thích chế định án treo; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, tất cả các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 19/6/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự nội dung như sau: (i) Không vô hiệu toàn bộ hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016, ngân hàng không phải hoàn trả các giấy chủ quyền tài sản, trừ khi những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực thi xong các nghĩa vụ của mình, (ii) Buộc bị cáo H, bị cáo M, bà H2, bà N, ông N1, ông Nguyễn Minh T3, văn phòng công chứng C phải liên đới chịu trách nhiệm dân sự đối với Ngân hàng; (iii) Trường hợp các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thanh toán được số nợ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị hại có kháng cáo, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Phạm nhân Phạm Xuân M, Phan Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không đồng ý yêu cầu kháng cáo của phía bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án cho rằng.

Về Tổ tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại kháng cáo nhưng vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ 2, bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị hại.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, buộc Văn phòng công chứng liên đới trách nhiệm cùng các bị cáo H, M bồi thường cho ngân hàng. Phần trách nhiệm dân sự cụ thể hóa trách nhiệm dân sự giữa 2 bị cáo, Văn phòng công chứng với ngân hàng.

Phân tranh luận: Người bào chữa chỉ định cho bị án M, các bị án và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, giữ nguyên lời trình bày trước đây tại cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Phiên tòa phúc thẩm mở ngày 28/10/2019, đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Đỗ Hồng T, ông Nguyễn Thế H1 (theo văn bản ủy quyền số 704/UQ-HĐQT-NHCT18) có mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay (mở lần thứ 2), bị hại đã được tổng đạt hợp lệ (đã nhận được giấy triệu tập ngày 14/11/2019) nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về nội dung:

Bản án số 12/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử bị cáo Phạm Xuân M 07 năm tù, bị cáo Phan Thanh H 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại không kháng cáo bản án về phần hình sự. Các bị cáo đang chấp hành hình phạt. Căn cứ Điều 345 Bộ tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét đối với phần không có kháng cáo kháng nghị.

Ngày 19/6/2019 bị hại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) kháng cáo bản án sơ thẩm đối với nội dung phần quyết định: *“Hủy Hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C với hộ ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị H2. Buộc Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch C có trách nhiệm giao trả lại cho hộ ông Phạm Văn T1 năm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 230B, 238, 351, 352, 363, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Phạm Văn T1 và hộ gia đình ông Phạm Văn T1”*.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị hại trình bày tại đơn kháng cáo: Quyền sử dụng đất bị cáo mang đi thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng là của hộ gia đình gồm 5 người

đã thành niên. Theo chứng cứ thu thập tại hồ sơ thì có 4/5 thành viên hộ gia đình đã ký đồng ý trong hợp đồng thế chấp tại văn phòng công chứng, chỉ duy nhất có ông Phạm Văn T1 là bị giả mạo chữ ký nên không thể tuyên bố hủy toàn bộ Hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C với hộ ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị H2 như bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngân hàng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử tuyên vô hiệu một phần năm hợp đồng thế chấp liên quan đến ông Phạm Văn T1. Ngoài ra, phía bị hại cũng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo H và các thành viên trong gia đình bị cáo M đã ký thế chấp cũng như văn phòng công chứng C phải liên đới chịu trách nhiệm cùng bị cáo M bồi thường dân sự cho Ngân hàng.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C với hộ ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị H2. Ông T1, bà H2 ký hợp đồng thế chấp với tư cách là đại diện ủy quyền của các thành viên trong hộ gia đình thông qua hợp đồng ủy quyền ngày 11/10/2016. Theo nội dung vụ án được các bên thừa nhận thì văn bản ủy quyền bị vô hiệu toàn bộ do bị giả tạo về ý chí cũng như hình thức thực hiện văn bản ủy quyền bởi các thành viên chỉ đồng ý ký ủy quyền khi chủ hộ là ông T1 đồng ý. Bản chất của sự việc là không có sự đồng ý của ông T1 nhưng bị cáo M đưa ra thông tin giả làm các thành viên khác tin để ký. Để hoàn tất được chuỗi hành vi gian dối của mình Phạm Xuân M tiếp tục có hành vi thuê người đóng giả ông T1 ký vào văn bản ủy quyền. Với các căn cứ phân tích này đủ cơ sở xác định văn bản ủy quyền là vô hiệu. Do vậy việc tuyên hủy Hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C với hộ ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị H2 của bản án sơ thẩm không sai. Hơn nữa, khi Ngân hàng yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị Phạm Xuân M chiếm đoạt theo bản án thì cơ quan thi hành án có trách nhiệm xác minh tài sản của Phạm Xuân M có được trong số giá trị quyền sử dụng chung của hộ gia đình để tiến hành phát mãi đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo H và các thành viên trong gia đình bị cáo đã ký thế chấp cũng như văn phòng công chứng C phải liên đới chịu trách nhiệm cùng bị cáo bồi thường dân sự cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Khoản tiền 500.000.000 đồng bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo trả lại cho Ngân hàng được xác định là phần tài sản bị cáo đã chiếm đoạt và sử dụng cá nhân nên bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bị hại. Đây không phải là thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra nên không xem xét tính liên đới của các tổ chức và cá nhân có liên quan. Trong trường hợp Ngân hàng chứng minh được bị thiệt hại (không phải là số tiền bị cáo chiếm đoạt sử dụng) từ hành vi phạm tội gây ra và có lỗi của các tổ chức cá nhân hoặc đồng phạm trong vụ án thì với có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm liên đới bồi thường tại cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa cấp sơ thẩm bị hại đã không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về bồi

thường thiệt hại. Từ phân tích nhận định nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 về phần dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm về các nội dung liên quan đến yêu cầu kháng cáo.

Tuyên xử:

Hủy Hợp đồng thế chấp số 143/HĐTC ngày 11/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C với hộ ông Phạm Văn T1 và bà Trần Thị H2. Buộc Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Trà Vinh – Phòng giao dịch C có trách nhiệm giao trả lại cho hộ ông Phạm Văn T1 năm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 230B, 238, 351, 352, 363, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Phạm Văn T1 và hộ gia đình ông Phạm Văn T1.

Về trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt: Buộc bị cáo Phạm Xuân M trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Công an tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- TTG CA tỉnh Trà Vinh;
- BCTN (1);
- BH (1);
- NLQ (11);
- Lưu (3) 24b (Án39).

Phạm Thị Duyên